

The Oral Proficiency Guidelines (OPG) Project, led by Dr. Erlin Barnard, was sponsored by the Southeast Asian Language Council (SEALC) with funding from the Henry Luce Foundation for the national initiative, *Professional and Materials Development to Strengthen Southeast Asian Language Instruction*. We also gratefully acknowledge support from the Southeast Asian National Resource Centers. This material is available for use under the Creative Commons Attribution-NonCommercial-ShareAlike (CC BY-NC-SA) License. For more information on authorized usage, click [here](#).

Vietnamese Oral Proficiency Guidelines

Compiled by the OPG Vietnamese Team (2020-2021): Thúy Tranviet, Bich-Ngoc Turner, Hong Dinh, Cau Nguyen, Chung Nguyen, ThuyAnh Nguyen, Minh Thach, Trang Vu

Edited by: Thúy Tranviet and Bích-Ngoc Turner

Novice Low (NL)

Speakers at the novice low (NL) level have no functional communicative ability. They possess very limited vocabulary, they can say hello, their names, count a few numbers or produce memorized words consisting of random common terms such as *chào, phở, bánh mì, etc.*

Novice Mid (NM)

Speakers at the novice mid (NM) level can produce simple phrases and discrete words using a list of memorized words in the basic context, such as personal information like name, age, nationality, hobbies, food (*tên, tuổi, người Mỹ gốc Việt, thích đồ ăn, thích đi chơi*) or family (*bố mẹ, ông bà, anh chị*), household items (*phòng ngủ, phòng bếp, tivi, bàn ghế, điện thoại, bát/chén*), Vietnamese food (*bún chả, bánh xèo, bún bò Huế, chả giò*) and numbers from 1-100 or days of the week (*thứ hai, thứ ba, thứ tư...*). They are often able to reply to questions based on cues from the interlocutor. Unlike English, one can reply to the Vietnamese questions by simply substituting the interrogative words with the answers. For example,

Q: Em tên là gì? A: Em tên là Kim [Q: What is our name? A: My name is Kim]

Q: Gia đình em có mấy người? A: 5 người [Q: How many people are there in your family? A: 5 people.]

Q: Bố em năm nay bao nhiêu tuổi? A: Bố em là 45 tuổi [Q: How old is your father? A: My father is 5 years old.]

Q: Nhà em có mấy phòng? A: Nhà em có 3 phòng [Q: How many rooms are there in your house? A: There are 3 rooms.]

Q: Em thích món ăn Việt Nam nào? A: Em thích bún bò Huế và chả giò. [Q: What Vietnamese dishes do you like to eat? A: I like *bún bò Huế và chả giò*.]

While they can be understood by sympathetic interlocutors familiar with non-native speakers their pronunciation and grammar show a lot of difficulty in distinguishing tones and vowel clusters such as *bạn vs. bậ; sau vs. sao; tuổi vs. tuôi; tay vs. tai*. They often use personal pronouns inconsistently, e.g. *em, con, tôi, bạn* and tend to use the verbs *là* or *có* in every sentence eg: *Em có 20 tuổi/ Em là 20 tuổi*.

Novice High (NH)



Speakers at the novice high (NH) level can create with the language through the simple recombination of elements more than half of the time. They have an emerging ability to produce strings of discrete sentences albeit with inaccurate grammar in these topics: personal information (their hobbies, work/jobs); descriptions of people; descriptions of houses; ordering food and daily routines. They can use language to talk about themselves and the immediate environment, e.g. *Em tên là Thế. Em là sinh viên Columbia. Em đang sống ở kí túc xá. Hàng ngày em có 3 lớp, lớp toán, lớp kinh tế...* despite using some vocabulary from their first language e.g. *Em thích đi shopping.*

The NH speakers often use the third person pronouns incorrectly. For example,

Mẹ em năm nay 42 tuổi. Mẹ ấy tên là Mai. (instead of Mẹ tên là Mai.) Mẹ em đi bệnh viện với bạn mẹ (instead of bạn của mẹ.) [My mother is 42 year old. That mother's name (My mother's name) is Mai. My mother goes to the hospital with friend mom (the friend of hers).]

At this level, NH speakers can create phrases and sentences with structure: *S+V+O; S+là+N; S+Adj*. However, they often use the stative verbs/adjectives incorrectly by inserting the verb "to be" (*là*) where it is unnecessary in Vietnamese, e.g. *Bạn em là không cao và ốm (instead of Bạn em không cao và ốm.)* They can make questions with interrogative words (*ai, ở đâu, khi nào, vì sao, bao lâu, bao nhiêu tiền*) and *yes/no; có ...không; ...phải không?; đã...chưa?* For example, *Q: Bác năm nay bao nhiêu tuổi? Q: Bác làm gì? Q: Giáo viên ở đâu? Q: Bác muốn uống gì không?*

In terms of pronunciation, they still have difficulty in pronouncing some ending consonants such as *-ng/-n/-nh; -p/-m/-c/-ch; -n/-t* and initial consonants: *t/d; t/th; kh/h* eg: *thứ* vs. *từ* but they can be understood by the sympathetic interlocutor familiar with non-native speakers. Some NH speakers can handle a variety of tasks pertaining to the next level up, or the intermediate low (IL), but are not able to sustain performance at that level.

Intermediate Low (IL)

Speakers at the intermediate low (IL) level are able to produce discrete simple sentences and at times, strings of simple sentences on familiar topics pertaining to common daily situations such as themselves, family, familiar places, friends, daily routine, studies, hobbies, and weather. They can answer basic biographical questions or produce simple descriptions and comparisons, such as location descriptions or food comparisons. Sometimes they can communicate and present basic ideas in full sentences. However, at times they may pause to look for words or expressions or they may revert to their first language when they cannot find suitable words or phrases. For example, *Có lạnh, I'm used to do it; ...ông của tôi half là người Việt. That's why em muốn học tiếng Việt.*

In terms of grammar, they can use coordinating conjunctions such as *nhưng, và, vì, sau đó, rồi*. For example, *Em ngủ dậy lúc 9 giờ sau đó đi lớp tiếng Việt lúc 10 giờ 10. Em ăn trưa với bạn ở Jon Jay. Em đi thư viện cho làm bài 3 tiếng rồi đi lớp máy tính lúc 5 giờ.*

They demonstrate an emerging ability to use modal verbs (*cần, nên, phải, không nên*) and use frequency adverbs (*thỉnh thoảng, thường xuyên, luôn luôn, thường, không bao giờ*). For example, *Q: Em thường làm gì vào cuối tuần?*



A: Em **thường** đọc sách và nấu ăn với mẹ.

A: Em biết nấu bánh cuốn.

Q: Giỏi quá! Em chỉ cho cô.

A: Cô **cần** có...bột.... thịt heo, rau và ...**shallots** . **Sau đó**.... Cô nấu bột...**rồi** cho thịt heo....

However, the sentences IL speakers produce may contain a word order and grammar (preposition) characteristics influenced by their first language, e.g. *Mình em trai năm nay là 18 tuổi* vs. *Năm nay em trai của mình 18 tuổi*.

The following examples demonstrate the misuse of “*đối với*” (for/regarding to). Most speakers of this level tend to use “*cho*” (for): *Cũng giống như vậy **cho anh** vì Việt Nam là nước rất đặc biệt* vs. *Tôi cũng cảm thấy như vậy vì **đối với** tôi, Việt Nam là một nước đặc biệt* [Similar for me (*anh*), Vietnam is a special country vs. I feel the same, because to me, Vietnam is a special country.] *Và **cho** tennis, tại sao thầy thích hơn tennis* vs. ***Còn đối với** tennis, tại sao thầy thích tennis hơn?* [As for tennis, why do you like better tennis vs. Regarding tennis, why do you like tennis more?]

The language production at this level is limited to simple communicative tasks in informal settings. Their replies to question are often simple, single sentences linking limited vocabulary that convey basic ideas, e.g. *Con là Amy, con 20 tuổi; Mẹ có 8 anh chị em, ba có 5 anh chị em; Michigan có 4 mùa: xuân, hè, thu, đông; Mình là sinh viên. Mình học Đông Nam Á; Anh trai sống ở Michigan với ba mẹ*. The majority of responses are mostly reactive, showing their ability to initiate conversation on familiar topics followed by falling back to reactive responses.

Q: Bố thích SG hả?

A: Ừm;

Q: Ba mẹ em có thường về Sài Gòn không?

A: Ừm;

Q: Em học ngành gì ở Mỹ?

A: Em học tin học;

Q: Em chơi piano lâu chưa?

A: Không. *Mấy tháng*.

Speakers at this level may still struggle with challenging pronunciation and tones, which are often influenced by the first language. The challenges include diphthongs /ia, ua, ua/ and rounded vowels /o//ô/, /u or vowels /ơ/ to /ô/. In terms of tones, *dấu nặng* and *dấu sắc* can be challenging for speakers at this level. First language influence on pronunciation can be heard in the final /_ch/ as in *thích* (to like), *sách* (book), which is not the case in Vietnamese pronunciation. Mispronouncing can cause a breakdown in comprehension for native speakers who are unfamiliar with pronunciation different than what they are used to.

Additionally, IL speakers often mix up personal pronouns such as switching between *em* and *tôi* (I) or *chúng em* vs. *chúng tôi* (we). The Vietnamese language has a complex system of personal pronouns, and how each term of the pronoun is used depends on the gender, the relationship, or other factors relating to the person that one is talking to. Using them incorrectly or inappropriately may cause the communication to break down.

Intermediate Mid (IM)

Compared to the intermediate low level, speakers at intermediate mid (IM) level show the ability to express themselves by producing a string of single sentences and even complex sentences. They can create language using learned vocabulary and materials for various topics pertinent to their life. They can describe, narrate ideas, or express preferences but may struggle with vocabulary to express details or maintain the conversation at length.

They understand and respond to the questions with relevant information instead of guessing. They know how to ask for the questions to be rephrased rather than resorting to speaking in English. Unlike IL speakers, IM speakers do not often resort to English, however, they may pause briefly to search for appropriate vocabulary or expressions, and break down occurs when they are unable to find equivalent words or phrases in Vietnamese, at which point they switch to their first language. Many heritage students, although often sounding quite fluent, will frequently mix English and Vietnamese. For example,

*Ở nhà em bình thường làm cơm, **sometimes**, em làm phở; Không ngon nhưng **it's OK; I don't know....*** [At home, normally I make rice, **sometimes** I make phở. It's not good but **it's OK. I don't know...**]

Similar to IL speakers, IM speakers are also versed in using adverbs of frequency such as *thường, thường hay, luôn, thỉnh thoảng*, and so on. They may master sequence markers such as *trước, trước khi, trước đó, sau, sau khi, sau đó...* but at times they may be confused with *sau/trước* (to be used with a noun) vs. *sau khi/trước khi* (to be used with a verb). For example, *Mình đi gặp bạn **sau** học tiếng Việt vs. Mình đi gặp bạn **sau khi** học tiếng Việt.*

They can also show the ability to use conjunctions and connectors such as *nhưng, nhưng mà, nên, cho nên, vì thế/vì vậy*. For example,

*Em là nghiên cứu sinh, tiến sĩ sinh **vì vậy** em học hai năm rồi. **Vì** em đã sống cuộc sống ở Trung Quốc và Đài Loan, **nhưng** em thích học tiếng Trung Quốc, thích ăn món ăn Trung Quốc, **vì vậy** em học, nghiên cứu lịch sử Trung Quốc.*

However, although their sentences still make sense, at times they may sound broken.. For example, *Em hiện nay nghiên cứu vì sao và quan hệ người Việt và người Hoa ở Hải Phòng như thế nào. Vì nhiều lý do kinh tế người Việt ở Hải Phòng **không muốn ... rất muốn** người Hoa ở Hải Phòng về **Trung Quốc, và ... nhưng người Hoa ở Hải Phòng không muốn về Trung Quốc. Rất phức tạp.*** Further, IM speaker are able to use some strategies for clarifying meaning such as asking for a repetition of the question or parts of questions. For example, *Xin cô nói lại or ... phải không ạ?; Một lần nữa. Xin lỗi.* These strategies are rarely seen in speakers at the intermediate low level.

Intermediate High (IH)

Intermediate high (IH) speakers show the ability to handle various communicative tasks. They can extend their vocabulary to express, describe and discuss their opinions on a wide range of broader topics than of those mentioned in the IL or IM levels. They can narrate or describe in detail a process, their work scope, their immediate environment, or personal experiences in a string of sentences or paragraphs. For example,

Em nghĩ là một người Mỹ có thể sống và làm việc ở VN và không biết tiếng Việt, nhưng mà theo em thì sống ở đây mà không biết tiếng Việt thì hơi khó, ví dụ em đang sống và làm việc ở Sóc Trăng, hiện tại không có nhiều người biết tiếng Anh, nếu em không biết tiếng Việt, khi em sống ở đây, em sẽ bị cô đơn lắm. [I think an American can live and work in Vietnam without being able to know Vietnamese. However, I think if you're living here and do not speak Vietnamese, it'll be quite hard. For example, currently, I am working and living in Sóc Trăng, and there are not many people who can speak English here, if I didn't know Vietnamese, it'd be lonely living here...]

IH speakers can narrate past experiences and discuss future plans at length using adverbs and expressions of time such as *đã* to express time frames. Their narration is often characterized by a paragraph that flows smoothly in both formal and informal settings. However, speakers at IH level still limit themselves to topics of personal experience (work/study/travel) rather than extending them to complex topics of social situations (immigration, politics, healthcare, etc.).

...Sau khi em tốt nghiệp đại học, em tìm một cách để đi ở ngoài Mỹ để hiểu biết về sống và làm việc ở nước khác thì như thế nào. Và một giáo sư ở đại học của em giới thiệu cho em một tổ chức, tổ chức đó gọi là Princeton in Asia, giúp những người mới tốt nghiệp đại học để đi làm ở Châu Á. Em xin đơn tổ chức đó, và em chọn dạy học ở Việt Nam, bởi vì em thích việc giảng dạy, em thích việc dạy học, nhưng mà bây giờ em nghĩ là em muốn làm thử công việc khác mà cũng liên quan đến giáo dục. Em dạy học khoảng 4 năm rồi, em nghĩ là em muốn thử làm công việc về chính sách giáo dục. Lựa chọn thứ hai của em thì là em cũng thích nghiên cứu và học ngôn ngữ, nếu em học chuyên ngành dân tộc học thì em có thể học một số ngôn ngữ khác và có thể nghiên cứu nhiều về văn hóa, lịch sử em nghĩ là em sẽ thích việc đó. [After I graduated from college, I looked for a way to go outside the US to learn about what it was like to live and work in another country. And a professor at my university introduced me to an organization, called Princeton in Asia, that helped new college graduates to work in Asia. I applied for that organization, and I chose to teach in Vietnam, because I like teaching. I like teaching, but now I think I want to try another job that is also related to teaching. I've been teaching for about 4 years, I think I want to try a job on education policy. My second choice is that I also like to research and learn languages, if I major in ethnography, I can study some other languages and can do a lot of research on culture and history. I think I will love it.]

In terms of grammar and pronunciation, they produce language with consistent clarity. Their pronunciation and tone production do not pose much of a problem. In general, their responses can be understood easily by the interlocutors. They can express preferences and make comparisons. For example,

Q: Khi học tiếng Việt em có thấy dễ không?

A: Dạ không. Bây giờ thì dễ hơn trước đây, khi em bắt đầu học tiếng Việt thì em gặp nhiều khó khăn, bởi vì tiếng Việt là ngôn ngữ thứ nhất có dấu mà em học, trước đây em đâu có học một ngôn ngữ như vậy. phát âm của tiếng Việt hơi khó đối với em nhưng mà bây giờ thì bớt lại một chút, em nói được nhiều hơn.

Further, they are able to use strategies for clarification, for example, the use of “*hả cô,*” “*phải không ạ*” which are not only more authentic and polite but also maintain a smoother communication discourse. They may use some English words but upon hearing the Vietnamese equivalents, they are able to repeat or self-correct.

Advanced Low (AL)

Advanced Low (AL) speakers can engage in a wide range of communicative contexts. AL speakers can converse on topics like education, home, weather and climate, travel and transportation, food, and recreation. The majority of these conversations for AL speakers are informal, although formal exchanges are occasionally possible. AL speakers limit abstract topics to matters of personal interest and relevance, i.e. their fields of expertise. For example, the speaker below could offer a conversation about immigrants in which he could narrate his mother's journey to the U.S. He discussed the advantages and disadvantages of a multicultural and multi-ethnic society in the U.S., and shared his perspective about immigration policy in the U.S. While his performance was quite effective, he showed some struggles with vocabulary:

*...“Dạ đúng rồi, mẹ em mất gần một năm. Mẹ em thử (instead of cố gắng) ra (instead of rời) VN gần hai ba lần. Lần trước thì cộng sản tìm mẹ của em rồi bỏ mẹ em vô tù gần hai ba tháng. Lần sau... à mẹ em cũng thử ra Việt Nam, cộng sản cũng bắt mẹ em **again**, thì bỏ mẹ em vô tù cho 7 tháng. Sau đó ... mẹ em tìm ... à ... trả tiền cho người ta để đi.*

[That's correct. My mother passed away nearly a year ago. She tried to leave Vietnam nearly two or three times. The previous times the communists found her then (they) put her into jail for about two or three months. The next time, she tried to leave Vietnam, the communists arrested her again, then she was in jail for 7 months. After that.... my mother... found..... paid someone so that she could leave]

...Em nói thầy là em học tiếng Ả Rập vì giờ có nhiều người từ nước đó, đặc biệt là người Hồi giáo, dạ đúng rồi, người Hồi giáo mà họ là người tị nạn họ qua bên đây mà cái văn hoá của người Hồi giáo và văn hoá Mỹ nó hơi khó, tại vì nó hơi khác nhau á. Vì vậy em muốn làm việc với người tị nạn đặc biệt là người Hồi giáo, hay là người nói tiếng Ả Rập, giúp họ để làm cho nó dễ hơn cho họ sống ở Mỹ. Ở Mỹ có nhiều người...immigrant cần giúp đỡ. [I told you that I learned Arabic because now there are many people from that country, especially Muslims, yes yes, Muslims they are refugees, they come over here and the culture of Islam and American culture is a bit difficult, because it's a bit different. So I want to work with refugees, especially Muslims, or who speak Arabic, helping them to make it easier for them to live in America. In America there are many people ... immigrants need help]

Speakers at this level are able to narrate and describe in the major time frames of past, present, and future using common time expressions such as today (*hôm qua*), tomorrow (*ngày mai*) or now (*bây giờ*) as well as using with ease and control the following expressions *ngày xưa, hồi đó, sau này* and time markers *đã, sẽ/ sắp*. For example,

*Em đang ở tiểu bang Maryland. Tiểu bang Maryland ở bên cạnh Thành phố Washington DC. Em mới tốt nghiệp. **Bây giờ** em đang tìm việc làm để có lương.*

AL speakers are able to connect and link sentences into a connected discourse of paragraph length using simple connectors and linkers or to add information with expressions such as *và, cũng, ngoài ra* or *ví dụ như* or to state the effect or result with *vì vậy/vì thế; cho nên/nên* or to compare and contrast with *còn/ còn... thì* or *tương tự, khác với, ngược lại/ trái lại; tuy nhiên...*

They can conclude or summarize with *nói chung, tóm lại, kết luận là* or argue and/or express their perspectives with *thật ra/ thật ra thì; vấn đề là/ lý do là, nhưng em nghĩ là, theo em, em tin là*. They also know how to express sequences with *sau đó; rồi; trước hết; lúc đầu; lần đầu/ lần đầu tiên; tiếp theo; thứ hai, thứ ba...* and certainty with *chắc chắn là, tất nhiên là, rõ ràng là....* For example,

***Thật ra thì** em không có thích New York city nhiều **vì** (because) em không thích có nhiều người trong một cái chỗ nhỏ. Em thích một chỗ mà nó rộng hơn, hay là một cái chỗ mà có nhiều lá cây. **Vì vậy** mà em thích một cái chỗ mà có..., em thích sống ở ngoại ô... Khi em đang sống ở đó thì em làm việc và học chung. **Nên** như vậy em nói được chút xíu tiếng Ả Rập. **Còn** tiếng Xi á, lâu rồi em chưa sử dụng nó nên em quên nhiều lắm. **Mà em nghĩ** nếu em cố gắng và coi phim Xi hay là nói chuyện với mấy người biết nói tiếng Xi nhiều hơn chút thì cái tiếng đó nó sẽ để lại trong đầu của em.*

Speakers at this level can respond in paragraph-length discourse, but usually not longer than one paragraph. While they might not be fluent, they can self-correct their grammatical roughness such as prepositions and word order. If the topic is unfamiliar to them, they may run into a situation where they may need to resort to English. For example, with the topic of weather:

*Dạ. Tại vì nó ấm hơn thì ở ngoài mình thấy nhiều con **like animal**; Mùa đông à... thì không có làm nhiều được, không có nhiều đồ mà làm ở ngoài được. Thì bây giờ Hoàng thích ngồi ngoài đọc sách hay là chạy bộ với mẹ. Và cũng thích **đi hiking** và mình đi bộ ngoài.*

However, they can use communication strategies like circumlocution and rephrasing to convey intended messages without confusion. For example,

Và em cũng ... em rất thích học về ... người tị nạn vì bố mẹ em là người tị nạn, họ vượt biên và qua bên đây. Và bây giờ em đang tìm việc làm mà em có thể giống như ... cái cái gì mà em học ở đại học, tìm việc làm mà trong cái việc làm mà đúng mà đúng những gì mà em học á. [He meant the job matches his major] Tìm mấy cái chỗ mà em có thể làm với người tị nạn. Nếu người tị nạn mà cần dịch, em dịch cho họ, hay là cần học học tiếng Anh á. Bây giờ em tìm mấy việc làm giống vậy. Còn ở trường em chỉ lấy mấy lớp về lịch sử và quốc tế. Em cũng thích học những tiếng nói ngoài Mỹ á, em thích học mấy tiếng khác [He meant foreign languages].

AL speakers' dominant language is obviously reflected in literal translation, false prepositions, and word order. There will be a pattern of basic grammar errors, especially prepositions. However, this will not cause communication to breakdown or be misunderstood. For example,

*Đi chuyến xe lửa xong á thì em phải **lấy tắc xi cho** 15 phút”; “Mỗi lần em đi học thì em phải **lấy xe buýt** đến thành phố New York City cho nên mất gần năm sáu tiếng, sau đó em phải **lấy xe lửa** mất gần hai tiếng nữa”; “Mẹ của em sống ở trại tị nạn **cho** tám chín tháng”; “Phải ở trong nhà **cho** hai tuần”*

Regarding pronunciation, they are able to pronounce six tones accurately, but their intonation tends to not be as natural as native speakers. Inaccurate pronunciation is infrequent, and their pronunciation does not interfere with conversations. AL speakers can be understood by Vietnamese speakers who are not familiar with non-native speakers, but this may need some clarification or restatement.

Advanced Mid (AM)

Advanced Mid (AM) speakers can confidently engage in a diverse, broad range of communicative contexts. AM speakers can converse on topics like education, home, weather and climate, travel and transportation, food, and recreation. The majority of these conversations for AL speakers are informal, although formal exchanges are possible. AM speakers discuss abstract topics that are not limited to matters of personal interest and relevance, i.e. their fields of expertise, but also those that relate to current events and matters of public or community interest. Like AL speakers, AM speakers are able to narrate, describe in the major time frames of past, present, and future using time expressions and time markers with ease and good control. For example, *Em **đã** đi Miến Điện. Em du lịch ba lô một mình một vài ngày, và **hồi nhỏ** có đi Thái Lan. **Hồi** em học ở Trung Học cơ sở, em có đi Indonesia. Và em đi Việt Nam. Em đi Việt Nam 3 lần rồi.*

They can employ complicated connectors and patterns to connect sentences and form a paragraph length discourse. Their discourse tends to be interwoven well with relevant facts and/or supporting information. For example, they can use connectors to give examples or to add information with *hơn nữa; ngoài/ ngoài ra; bên cạnh đó; thêm vào đó* or to state the effect or result such as *vì vậy/vì thế, cho nên/nên, đó là lý do tại sao..., mặc dù ... nhưng, tuy ... nhưng* or to compare and contrast expressions such as *còn/ còn ... thì ; tương tự; khác với; ngược lại/ trái lại, tuy nhiên, so với* or argue or express perspectives with *thật ra/ thật ra thì, vấn đề là/ lý do là, nhưng em nghĩ là; theo em, em tin là....*

They can express certainty such as *chắc chắn là, tất nhiên là, rõ ràng là...* or use complex patterns such as *càng ... càng; càng ngày càng; chỉ/thôi/ chỉ thôi; không chỉ... mà còn/ không những mà còn; nào cũng/ nào... cũng; gì cũng/ gì ... cũng, etc.* AM speakers clearly know how to express sequences with *sau đó; rồi; trước hết; lúc đầu; lần đầu/ lần đầu tiên; tiếp theo; thứ hai, thứ ba; cuối cùng...* and conclude or summarize with *nói chung, tóm lại, kết luận là...*

While the AM speakers are able to produce well-structured, paragraph-long discourse when conversing about abstract topics closely related to their interests and their field of expertise, they tend to struggle or even break down when elaborating or supporting opinions on the same topics. Their responses decrease in both quality and quantity because they lack terms and specific vocabulary. In other words, they fail to elaborate their opinions. For example, the following speaker could talk about a future job relating to his study and his passion, and he responded in a long, well-organized discourse using connectors and patterns effectively and accurately:

Em hy vọng em có thể làm việc ở Đông Nam Á. Thứ nhất, có thể tại vì em rất thích nói chuyện với những người văn hóa khác. Thứ hai, em hy vọng em có thời gian làm việc không lâu, tại vì em rất quý gia đình. Nếu công việc rất vất vả, cần em thức khuya, em sẽ cảm thấy rất là giận...dạ rất giận. Tại vì em thấy là cuộc sống không chỉ là làm việc, gia đình cũng là rất quan trọng. Thứ ba, em thấy là công việc phải theo đam mê của em. Em hy vọng có thể kể chuyện của Đông Nam Á và cuộc sống của người Đông Nam Á cho thế giới và show rất nhiều người ở thế giới rất nghèo...muốn giới thiệu cho thế giới đến người nghèo tại vì tuy thế giới rất phát triển rồi, nhưng mà người nghèo ngày càng nghèo hơn. [I hope I can work in Southeast Asia. Firstly, maybe it's because I like talking to people from other cultures. Secondly, I hope to have a job that does not take long hours, because I really value my family. If the job is very hard and needs me to stay up late, I will feel very angry ... very angry. Because I see that life is not just work, family is also very important. Thirdly, I feel that my work must follow my passion. I hope I can tell stories of Southeast Asia and the lives of Southeast Asians to the world and show that a lot of people in the world are still very poor ... [I] want to introduce the world to the poor because the world has already developed, but the poor are getting poorer.]

...Em bây giờ có một nghiên cứu về...về người ngoài tỉnh làm việc ở thành phố ở Phnôm Pênh ở Campuchia. Họ có một ấn tượng là Phnôm Pênh là thành phố có rất nhiều cơ hội làm việc. Nhưng mà khi người ngoài tỉnh vào thành phố Phnôm Pênh, họ rất buồn tại vì họ không có việc gì làm, họ chỉ làm ở quản lý rác và lấy rác để bán. Rác ở Campuchia sẽ bán đến Việt Nam. Rất nhiều người Việt Nam sẽ mua ở Campuchia, kiếm rất là nhiều tiền. Nhưng mà người Campuchia càng ngày càng nghèo, và sức khỏe không tốt tại vì làm việc ở sân...rất là nhiều rác. [... I now have a study on ... countryside people working in a city in Phnom Penh in Cambodia. They have an impression that Phnom Penh is a city that has a lot of work opportunities. But when they go to Phnom Penh city from the countryside, they are very sad because they have nothing to do, they just work in garbage management and take garbage to sell. Garbage in Cambodia will be sold to Vietnam. A lot of Vietnamese will buy it in Cambodia, making a lot of money. But the Cambodians are getting poorer and poorer, and their health is not good because they work in the yard ... a lot of trash.]

However, upon being asked more critical, follow-up questions, such as “Could you talk more about the project? Why will Cambodia sell trash to Vietnam?”, he could not handle the task well and tended to simplify the expressions or misuse advanced and technical terms. For example,

Tại vì ở Campuchia không có công ty để recycle và tái sinh [It should be “tái chế”],...umm, không có công ty để tái sinh cho nên Campuchia rất nhiều rác. Nhưng mà rác là cơ hội để làm. Nhưng mà ở Miền Tây và Miền Nam của Việt Nam có công ty tái sinh. Cho nên Campuchia là một nơi có nhiều tài nguyên. Cho nên người Campuchia phải lấy rất nhiều rác và buôn bán với Việt Nam.

Advanced mid speakers are able to use circumlocution and/or rephrasing effectively to convey intended messages when they lack terms and vocabulary without bothering native speakers.

*Em không biết tiếng Việt là gì mà ventilator để cho giúp thở á, cái máy mà giúp người ta thở [effort to paraphrase to explain the word “ventilator”]. Giống hôm qua em đọc trên tin tức là trong Mỹ hơn sáu chục triệu người đã đăng ký cho tiền không đi làm á, nó kêu là **unemployment benefit**. Thì ở bên Mỹ thì... lúc... em không biết là ở bên Việt Nam có cái này không mà nếu cô mất việc hay gì mà không có phải lỗi của cô thì cô đăng ký với chính phủ và xin cho tiền ăn thất nghiệp... vì cô... cô không có việc là không phải lỗi của cô [effort to paraphrase to explain about unemployment benefits.]*

In general, speakers at this level are not able to deal with abstract topics. If probed, they would struggle when dealing with abstract topics related to current or public events. Their responses are not precise and often consist of redundant fillers or hesitance. For example,

*Q: Em nghĩ là chính sách của chính phủ Mỹ sẽ như thế nào? Sẽ có hiệu quả không?
A: Hiệu quả là gì cô? (What is “hiệu quả?”)
Q: Hiệu quả là nó có tốt không, nó có giúp cho người dân Mỹ không, nó có giúp chặn lại corona không?
A: Em thấy là với cái **stimulus package** mà mới... mà chính phủ mới bỏ ra thì em thấy tiền đó giúp vì hết mọi người mà làm ít hơn bảy mươi lăm ngàn, hay là nếu cưới với ai mà làm ít hơn một trăm năm mươi ngàn thì được một ngàn hai trăm đồng một người. Vì vậy em thấy giúp mà trong cái luật đó em nghĩ chỉ một tháng thôi em nghĩ không có phải sau này giống tháng thứ hai được tiền này. Mà nếu cái này... nếu mình vẫn không đi làm được cho tháng tư hay là tháng năm thì chính phủ cần làm gì để giúp người dân. Vì em thấy bây giờ là nhiều người nói là giống chính phủ đã bỏ luật đó ra [she meant “thông qua”= (to approve by)] mà vẫn chưa có tiền thì mấy người đang không có tiền đủ nữa để trả cho tiền nhà hay là trả cho đồ ăn hay là mấy thứ đó, thì em thấy là chính phủ cần giống... nhanh lên vì em thấy là em thích cái luật mà mới ra mà em thấy chính phủ không có giống... háp tấp giống bây giờ giống làm giống nghĩa là hết mọi người có tiền để xài thôi hay gì.*

At times, their Vietnamese production still reflects their first dominant language in literal translation, incorrect use of prepositions, and word order. Nevertheless, these mistakes do not cause a misunderstanding. For example,

*Em thấy là người Sing tuy có chính phủ rất tốt so với những **nước thế giới** vs. **nước khác trên thế giới**. Công dân Singapore làm như thế này tại vì người không tin **với** chính phủ vs. không tin **vào**. Em muốn đi du lịch **đối với** đồng nghiệp của em vs. **với** đồng nghiệp. Máy chõ khác phải đóng cửa ở... **cho** mấy tuần rồi vs. **trong** mấy tuần rồi.*

In summary, AM speakers can fully participate in conversations on a variety of familiar topics with much accuracy. They can convey their intended messages without misunderstanding or confusion. They can be understood by interlocutors unaccustomed to non-natives. However, they cannot express supporting opinions and are not able to handle abstract topics related to current and public or community events, unlike speakers in the advanced high or superior levels.

Advanced High (AH)

Speakers at the advanced high (AH) level in Vietnamese can perform all advanced level tasks with ease, confidence, and competence. Unlike the advanced mid speakers, AH speakers can engage in all formal and informal conversations in a clearly participatory manner to communicate information on autobiographical topics, as well as topics of community, national, or international interests. They are able to use accurate tones and intonation like native speakers and can be understood by any native speakers. The language they use is abundant and they can also form a paragraph length discourse. For example, when asked about the most memorable impressions of her students or how long she has been teaching Vietnamese, the speaker's performance meets the narration tasks fully, with details, variety of time expressions (extended phrases), and connected discourse of paragraph length.

*Thế thì **cách đây 4 năm**, cách đây mấy năm nhỉ? À, **cách đây là 6 năm** thì chị có một sinh viên. Em này là nhân viên của lãnh sự Úc. Và cái yêu cầu của em là phải đạt trình độ tiếng Việt là trình độ cao. Thế thì em phải thi. Em ấy phải trải qua một cái kỳ thi với lãnh sự Úc. **Trước khi** thi thì em nói rằng là em muốn dành 1-2 tuần chỉ học tiếng Việt thôi. **Trước đó** thì em cũng bận với công việc cho nên, rằng là, em học không có tập trung lắm. Cho nên em muốn **2 tuần trước khi thi** em tập trung học tiếng Việt. **Lúc đó** cô giáo là mình, mình mới đề nghị là ..., mình bảo là **đúng cái thời gian em muốn học tập trung thì** mình có cái kế hoạch đi du lịch miền Trung. Thì thấy là mình cũng có trách nhiệm với em, mà mình bỏ chuyến du lịch của mình thì mình cũng tiếc. Thế là suy nghĩ, thì **sau đó thì** hai thầy trò quyết định là bàn bạc với nhau thì quyết định là cùng đi du lịch và vừa đi vừa học.*

[Then, 4 years ago,... how many years ago? Well, 6 years ago I had a student. She was an employee of the Australian consulate. And her requirement was to have a high level of Vietnamese language. So then she had to take the exam. She had to go through an exam with the Australian consulate. Before she took the test, she said that she wanted to spend 1-2 weeks just studying Vietnamese. At that time, I was her teacher, so I suggested that...I told her that...I had already had a plan to travel in the Central Vietnam precisely during the time she wanted to concentrate on studying, but I also saw that I had some responsibility for her, but if I had to cancel my trip, it would be a shame. So we thought about it, and after that the two of us decided that we would travel together and study during the trip.]

Although the speakers can participate in full conversations and provide lengthy and coherent narrations with ease, they still lack abstract elaborations so they break down when called on to the next level, Superior. Sometimes they used too many “cái”, “thì”, “là” to fill space [um... ah... but, then....] In Vietnamese, sometimes those words are used to connect ideas, but this breakdown evidence can be found in words, phrases, or sentences and are repeated in most of the performance when they try to find expressions to support their opinions. For example,

Đúng cái thời gian, có cái kế hoạch, thì họ, thiết kế của họ, thì họ thiết kế như là một cái nhà hàng ở Hồng Kông, Rồi thực hiện cái ... những cái ... mơ ước...; ông giải thích là cái... cái... cái... ơ... ; Thật ra thì... thật ra thì không phải là em không đồng ý, không phải là ông ấy nói không sai, à ông ấy nói sai nhưng mà chỉ là đúng một phần thôi, ừm...dạ chứ không phải là đó... không thể nói là... là... nguyên nhân ngập lụt là... là... đập không có trách nhiệm trong đó; Em đồng ý, em đồng ý là... ở họ giải thích là nếu tôi mà không... không xả nước thì đập nó vỡ, nó còn nguy hiểm hơn nhưng đó là, nhưng là... cái vị trí đập, cái nguồn nước, cái lượng nước mưa, cái lượng nước mưa rồi cái lượng xả ra rồi cái cách xả như thế nào là họ có thể kiểm soát được, họ có tránh được, tại sao họ vẫn làm theo cái cách mà có hậu quả nhất.

AH speakers may provide a structured argument to support their opinions and they may construct hypotheses. They can discuss some topics abstractly, especially those relating to their interests and special fields of expertise. They don't have a pattern of error in basic structures like word orders, inaccurate prepositions like speakers in AM level do. For example, they can distinguish some words which have similar meanings, such as “phân bố, phân bổ”, “ràng buộc, bắt buộc”, “chuyên nghiệp, chuyên sâu”, “cuộc sống, nếp sống, lối sống”...; use alliterative expressions “lũn thui”, “hăng hái”, “lãng nhàng”, “chắc chắn”, “nhẹ nhàng”, “may mắn”, “học hỏi”, “hoàn toàn”, “chung chung”, “tương đương”, “na ná”, “nền nếp”, “khó khăn”, “rón rén”, “giặt giũ”, “loanh quanh.”

AH speakers can use formal phrases and expressions to discuss abstractly. For example,

Thời đại toàn cầu hóa, lòng trắc ẩn, báo hiếu, gia đình hạt nhân, làm tròn bổn phận, lễ nghĩa và đạo đức của con người, nếp sống, nét đẹp của văn hóa truyền thống, chạy theo nhu cầu vật chất, quá trình bê tông hóa, chịu sự chi phối của loại hình kinh tế, phân bố, ứng yêu cầu, lượng chứa nước của các đập nhỏ, thiên văn, tái định cư, sống chung với nhau dưới một mái nhà, canh tác trên một cánh đồng, mỗi gia đình là một đơn vị sản xuất nhỏ, mơ ước mà ngày trẻ mình phải gác qua một bên, chính phủ đặt mục tiêu nào lên đầu tiên, chấp nhận mất trái, dịch chuyển từ kinh tế nông nghiệp sang kinh tế công nghiệp, tiếp xúc với những nền văn hóa khác nhau trên thế giới, quá trình đô thị hóa là tất yếu ở những vùng chung quanh Sài Gòn, những cái vùng trũng, thấp trước đây chỉ là nước và bỏ hoang hoặc là những nơi mà trước đây người ta dùng để trồng lúa thì trở thành đô thị, đầu tàu kinh tế, nhiều thế hệ lãnh đạo chưa giải quyết được, cân bằng lợi ích để mà vẫn duy trì phát triển, mở cửa ra với thế giới, cái nếp sống của người dân trong nước nó cũng thay đổi, nước mưa thoát đi một cách tự nhiên, gây ra hậu quả môi trường, đánh đổi về kinh tế, cân nhắc về một phương án khác để bù đắp, giám tải, khảo sát, trong trường hợp bất khả kháng phải xả đập, phân bố mật độ dân số, giải quyết đồng bộ khi xây đập, thông báo di dời, tạo áp lực cuộc sống cho nhau, truyền thống văn hóa có trong sẵn mỗi con người, trắng tay, chưa đến mức độ phải đưa ra một cái luật như vậy, cải thiện, giải tán, cực khổ, nhà tránh bão...

AH speakers can use some informal expressions to emphasize or support their opinions, such as:

Ai bị gì thì kệ, có khó cũng phải làm. Đã là cứu trợ thì phải ngay và luôn, cảm cố, nhìn điểm tốt của nhau mà sống, cứ thấy bố mẹ sống thế nào thì lớn lên theo na ná như thế thôi. Cả thế giới như vậy mà. Đâu ra mà 5 thế hệ, chung là chung mà riêng là riêng, nhiều khi nó phải chung thôi, nói thì không biết nó sẽ tới đâu. Họ sống thì họ phải thái ra thôi...

Speakers at this level can use conjunctions to make their speech smooth or to construct hypotheses but lack sustainability and diversity. For example, “*Trước hết là ..., không ai có thể phủ nhận..., không thể nào mà tránh khỏi, thế xong rồi là..., tức là..., Giống như cái kiểu mà dân gian hay bảo là..., Về cái câu hỏi này thì chị nghĩ như thế này..., Thực sự là như vậy, Ấy cho nên là..., Là thế!, Tất nhiên là..., Lí do là vậy thôi!, Thì như chị đã nói..., Thế thì cái mặt tích cực mình nói trước..., Thế nhưng mà ngược lại..., Như vậy thì đúng là..., Nói thật là..., thì trong trường hợp giống như thầy nói là..., tùy... mà...*

They are able to use proverbs, idioms or poems to support their ideas. For example: *Ăn xối, cứ cái khuôn ấy mà vào, như vũ bão, “yêu nhau (thì lại) bằng mười phụ nhau” (Truyện Kiều - Nguyễn Du), cơm hàng cháo chợ, ăn qua loa, ngàn tới cô, góp gió thì nó sẽ thành bão, mấy năm đầu đời, công ăn việc làm...*

AH speakers may demonstrate a well-developed ability to compensate for limitations in vocabulary by the confident use of communicative strategies, such as paraphrasing, circumlocution, and illustration. When being asked how to keep the balance between economic development and environment issues, the following speaker is able to explain and paraphrase well but is not able to give more abstract terms or general, broad, non-personal arguments to support their opinions. Instead, they tend to use personal experiences to explain their meanings and that limits their ability to respond to the hypothetical questions at the superior level.

Q: Nếu chị là một nhà lãnh đạo hay là nhà ra chính sách, quyết định thì chị nghĩ là chị sẽ làm gì để mà chị có thể cân bằng giữa nhu cầu phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường và văn hóa?

A: Chị nghĩ là khó lắm. Khi chị đi những chuyến đi du lịch nước ngoài, chị đều dành thời gian chị tìm hiểu. Những cái nước mà ... họ được đánh giá là phát triển hàng đầu á, và đặc biệt chị chú ý đến cái nước nó có văn hóa và cái lịch sử nó tương đương như Việt Nam á. Ví dụ như chị đi Nhật Bản hay Hàn Quốc thì chị cũng để ý. Chị xem họ phát triển và họ duy trì được cái ...những cái , giảm thiểu được những cái mặt tiêu cực và ... duy trì được những cái mặt tích cực như thế nào. Chị để ý thì chị xem. Chị nghĩ ... Nếu ở Việt Nam chị không biết chị có thể làm tốt hơn những người lãnh đạo hiện nay không thì chị không biết, nhưng mà chị chỉ ao ước. Chị có thể nói là chị ao ước những cái nhà lãnh đạo trong khi để mà cân bằng cái cái ... lợi ích để mà vẫn duy trì phát triển, thì chắc có lẽ phải thận trọng hơn trong ... cái lựa chọn và mình sẽ ... đầu tư vào cái lĩnh vực kinh tế nào. Cái bài toán rất... cái kinh nghiệm rất đắt ở Việt Nam là nóng vội về kiếm tiền cho nên cái thiệt hại môi trường nó khó sửa chữa lắm....Tức là họ nóng vội quá và họ xây dựng những cái khu công nghiệp ngay trong thành phố luôn. Bây giờ chuyển đi rất là khó. Nó gây ra kẹt xe nhè. Kẹt xe thì nó gây ra khói bụi nhè. Rồi cái lượng dân số tập trung vào khu vực đông quá thì nó cũng ô nhiễm nữa.

[Q: If you are a leader or a policy maker, what would you do so that you can balance between the need for economic development and the environmental and cultural protection

A: I think it's very difficult. When I traveled abroad, I spent my time researching. Countries where... they are rated as leading Asian development, and I especially paid attention to a country where it has a culture and history that is equivalent to Vietnam. For example, when I went to Japan or South Korea, I also paid attention. I watched how they develop and how they maintain the... things, minimize the negative sides and... maintain the positive ones. If you pay attention, you will see. I thought... If I was in Vietnam I didn't know if I could do better than the current leaders, I wouldn't know, but I just wish. You can say you wish that leaders could do to balance the.... the ... benefits to maintain development, then perhaps to be more cautious in ... what choice and which economic sector that they would ...er... invest in. The problem is very ... the very expensive, the expensive experience in Vietnam is the hurry to make money so the environmental damage is difficult to fix That means they are in a hurry and they build industrial zones right inside the city. Moving is very difficult now. It causes traffic jams. In a traffic jam, it will cause smoke and dust. Then the population is concentrated in the overcrowded area, it is also polluted].

When asked about nuclear family and extended family patterns in Vietnam, this speaker failed to use abstract expressions to hypothesize but ended up using explanatory expressions, circumlocution, and illustration. For example,

Q: Như vậy nó có hơi phổ biến lắm hông, đối với người Việt mình, em, heng? Nó có... cái kiểu như em bây giờ đó, có phổ biến lắm không em?

A: Ở thành phố thì thì... ở thành phố thì thì nó khó hơn. Ở thành phố là chung là chung mà riêng là riêng. Dạ tại vì ba mẹ mà đã ở thành phố thì, như thầy biết là nhà ở thành phố thì nhỏ, nhiều khi nó phải chung thôi. Dạ, đây là Đồng Nai, cách thành phố 40 km. Thì ở đây cái diện tích đất nó rộng lắm nên ba mẹ á, ba mẹ, nhiều ba mẹ cũng có vấn đề một chút là là khi mà con mà lập gia đình á, thì ba mẹ sẽ chia cho một miếng đất rồi làm cái nhà bên cạnh. Nên cái hình thức mà giống như em ở đây thì nó phổ biến, tức là sống gần rồi cũng có liên quan nhưng mà nó cũng không phải là chung nhiều nên vẫn giữ được cái gì đó của gia đình hạt nhân.

When probed to perform more complex tasks at the superior level, they can handle some aspects of the tasks but cannot sustain the performance. Their language at times will break down or prove inadequate, or they may resort to simplification through the use of description or personal narration in place of argument or hypothesis.

Superior (S)

Speakers at the superior (S) level are able to communicate with accuracy and fluency in conversations on a variety of topics in formal and informal settings from both concrete and abstract perspectives. Superior speakers are able to use language conjunctions and argumentative operators appropriately to create coherence in the organization of discourse to make their speech flow smooth and coherent. They can employ a variety of interactive and discourse strategies, such as turn-taking and separating main ideas from supporting information through the use of syntactic, lexical, and phonetic devices. When presenting an opinion, they are able to express seamlessly and continuously with rich content to prove and defend their viewpoint for that opinion. For example,

Đây là một điều khá là đặc trưng của một mô hình gia đình Việt Nam nói riêng và các nước Á Đông nói chung. Chính vì vậy mà mô hình gia đình có vẻ đang trở nên nhỏ hơn và sự gắn bó, sự liên hệ giữa các thành viên thì không được chặt chẽ như trước đây nữa. Đó là dù ở đâu thì các tình cảm giữa thành viên trong gia đình vẫn là điều quan trọng nhất. Gia đình hạt nhân trở nên phổ biến hay không phổ biến thì phần lớn được quyết định từ các điều kiện xã hội và kinh tế nhiều hơn là từ mong muốn cá nhân. [This is quite a characteristic of a Vietnamese family model in particular and East Asian countries in general. Therefore, when the family model seems to be becoming smaller, the bonds between members are not as close as before. That is, wherever you are, the feelings among family members are still the most important thing. Whether or not the nuclear family would become typical or popular is largely determined by social and economic conditions rather than from personal preference or wishes].

Speakers at the superior level can present their opinions on diverse topics, such as social and political issues, and provide structured arguments to support these opinions. They are willing and able to present their point of view on any topic, construct and develop hypotheses to explore alternative possibilities. Speakers at the superior level are able to use accurate vocabulary or phrases, especially those expressing emotion and abstract ideas or related to less common topics. For example,

...Em nghĩ khám phá bản thân, khám phá xã hội là một những công việc người ta sẽ dành cả đời cũng chưa làm hết được. Bởi vì cái môi trường đại học, cái hệ thống giáo dục đại học được thiết kế ra để định hướng, để đào tạo mỗi cá nhân trở nên sắc bén, trở thành chuyên gia trong một lĩnh vực nào đó. Học đại học thì nên làm đúng cái chức năng của đại học là tập trung vào cái ngành nghề của mình. Đây là vấn đề mà sinh viên sẽ phải tự thân vận động để họ được tối đa hóa cái lựa chọn của mình...[...I think discovering oneself, exploring society is one of the jobs that people may have to spend their whole life doing yet unlikely getting it ever done. Because of the university environment, the higher education system is designed to guide and provide orientation, to train each individual to become a sharp thinker, to become an expert in a certain field. Studying in college, one should do exactly the function of university is to focus on their profession. This is an issue that students will have to be strongly self-reliant so that they can maximize the benefits of their chosen field...]

Theo em, giá trị bền vững nhất của âm nhạc là một cách để thể hiện thông điệp. Nó có thể lan toả một thông điệp đến một cộng đồng rất là lớn ra ngoài biên giới ngôn ngữ và văn hoá của mỗi quốc gia. Thông điệp này mang cảm xúc, mang dấu ấn, suy nghĩ, mang tình cảm và tâm tư của một người nào đó. Đây là một vai trò lớn của âm nhạc. Muốn thưởng thức âm nhạc đầy đủ, người ta phải biết cách khen và cảm nhận theo kiểu rất là bác học, rất là hàn lâm, nên nó được nhìn nhận là một loại hình văn hoá cao. [In my opinion, the most enduring and sustainable value of music is its way of expressing a message. It can spread a message to a very large community beyond the boundaries of the language and culture of each country. This message carries feelings, imprints, thoughts, brings sentiments and aspirations of someone. This is a big role for music. To fully enjoy the music, one must know how to praise and feel in a very academic, very scholarly way, so it is recognized as a high culture.]

Speakers at the superior level can use idioms or proverbs eloquently to help make their opinions more concise and more rhetorical. For example,

*Nó cũng hơi thách thức một chút bởi vì công việc này cũng giống như là làm dâu trăm họ vì mỗi đối tượng sinh viên sẽ là bài học và trường hợp khác nhau và luôn luôn có những thách thức mới mỗi ngày. Đó là người ta nói **xa mặt thì cách lòng**. Người Việt ta có câu **cái gì xuất phát từ trái tim thì có thể chạm đến trái tim**, em nghĩ đúng là như vậy.*

Speakers at the superior level have no errors with word choice, pronunciation, or intonations. They break the discourse of their speech with utterance in a very reasonable and natural rhythm. Compared with advanced high speakers, superior level speakers can distinctively control the language and can perform with accuracy and fluency with no effort. In general, the linguistic quantity and quality of their speech are consistently and continuously expressed throughout.